

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 7 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 183/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24-08-2026

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Phước
2. Ông Liêu Tài Ngoánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 7 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ T - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 390/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2026 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Kim Thị Đà N, sinh ngày 04/05/1995. Số căn cước công dân: 094195012448 cấp ngày 08/09/2022. Địa chỉ: Ấp X, xã L, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Anh Thạch Văn T1, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau.

(Chị N có đơn vắng mặt, anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 6 năm 2026 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Kim Thị Đà N trình bày: Năm 2012 chị N và anh T1 xây dựng hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, đến ngày 14/4/2024 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện V, Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Cà Mau). Về con chung: Có 02 người đó là cháu Thạch Thị Huỳnh N1, sinh ngày 21/03/2013 và cháu Thạch Hải Đ, sinh ngày 21/9/2014. Hiện cháu N1 và cháu Đ đang sống cùng anh T1 và cha mẹ anh T1 tại ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau.

Quá trình chung sống, chị N và anh T1 có phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, anh T1 không chăm lo gia đình và có những lời nói xúc phạm chị N. Vào năm 2016 chị N đã về nhà mẹ ruột chị N ở tại ấp X, xã L, thành phố Cần Thơ và cũng từ đó chị N và

anh T1 ly thân cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân, anh T1 cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó chị N2 yêu cầu ly hôn với anh T1. Về con chung, chị N2 tự nguyện giao cháu Đ và cháu N1 cho anh T1 tiếp tục chăm sóc và chị N2 không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về phía bị đơn anh Thạch Văn T1 không có lời khai trong hồ sơ. Lý do Tòa án đã nhiều lần tổng đạt văn bản cho anh T1 để đến Tòa án làm việc nhưng anh T1 không đến, đến nhà lấy lời khai nhưng anh T1 không có nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T1. Về con chung: Giao cháu cháu Thạch Thị Huỳnh N1, sinh ngày 21/03/2013 và cháu Thạch Hải Đ, sinh ngày 21/9/2014 cho anh T1 tiếp tục nuôi dạy, do anh T1 không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét; tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 14 tháng 5 năm 2025, chị Kim Thị Đà N nộp đơn khởi kiện trực tiếp cho Tòa án yêu cầu ly hôn đối với anh Thạch Văn T1, cư trú ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, riêng anh T1 vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 và chị N theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị N và anh T1 tự nguyện chung sống vào năm 2012 và đến ngày 14/4/2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện V, Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Cà Mau) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43, ngày 14 tháng 4 năm 2014 nên hôn nhân giữa chị N và anh T1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Chị N xác định trong thời gian chung sống, chị N và anh T1 có phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, từ đó không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, từ năm 2016 chị N và anh T1 đã không còn sống chung với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa chị N và anh T1 không còn hạnh phúc, bởi chị N xác định không còn tình cảm với anh T1, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N và anh T1 đã ly

thân từ năm 2016 đến nay. Điều này phù hợp lời khai Trưởng ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau là ông Tiền Văn B hiện chị N và anh T1 không còn sống chung, anh T1 vẫn cư trú tại địa phương, chị N đã về nhà mẹ chị N sinh sống. Do đó, chị N yêu cầu được ly hôn với anh T1 là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T1.

[4]. Về con chung: Chị N và anh T1 thống nhất xác định có hai người con chung là cháu Thạch Thị Huỳnh N1, sinh ngày 21/03/2013 và cháu Thạch Hải Đ, sinh ngày 21/9/2014. Hiện cháu N1 và cháu Đ đang sống chung với anh T1 và cha mẹ anh T1 tại ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai nuôi phải xem xét toàn diện về điều kiện vật chất và tinh thần đảm bảo cho sự phát triển của con chưa thành niên. Quá trình thụ lý, anh T1 không có đặt ra tranh chấp về việc nuôi con. Để đảm bảo việc ăn ở, sinh hoạt hiện tại của cháu N1 và cháu Đ cần tiếp tục giao cháu N1 và cháu Đ cho anh T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy. Điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu N1 và cháu Đ, phù hợp với ý kiến chị N.

Chị N không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung và không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Do anh T1 không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị N phải chịu 300.000 đồng, chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007378 ngày 05 tháng 6 năm 2026 được chuyển thu án phí.

[7]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Kim Thị Đà N đối với anh Thạch Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Thạch Thị Huỳnh N1, sinh ngày 21/03/2013 và cháu Thạch Hải Đ, sinh ngày 21/9/2014 cho anh Thạch Văn T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục. Hiện cháu N1 và cháu Đ đang sống cùng anh T1.

Chị Kim Thị Đà N không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung và không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị Kim Thị Đà N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Thạch Văn T1 không yêu cầu.

4. Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị Kim Thị Đà N phải chịu 300.000 đồng, chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007378 ngày 05 tháng 6 năm 2026 được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lợi, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi